

Bản án số: 04/2018/HSST.  
Ngày: 04/01/2018.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.  
2. Bà Lê Thị Thận.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Văn Tinh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 128/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn T; Sinh năm 1968**, tại tỉnh C

Nơi cư trú: Thôn x, xã T, huyện B, tỉnh B

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Nùng; Con ông Nông Văn C (đã chết) và bà Nông Thị L, sinh năm 1931; Vợ Triệu Thị T, sinh năm 1978 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

***- Người bị hại:*** Mai Văn T1, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã N, huyện B, tỉnh B

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Nông Văn H, sinh năm 2001. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện B, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp: Triệu Thị T2, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện B, tỉnh B

***- Người làm chứng:***

1. Nguyễn Bá B; Sinh năm 1974. (Có mặt)

2. Đỗ Thành T3; Sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện B, tỉnh B

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 31/3/2017, Nông Văn T cùng con trai là Nông Văn H và người phụ xit thuốc Phan Văn T3 đến vườn điều của mình thuộc thôn x, xã T, huyện B để xit thuốc cho cây điều. Khi đi T có mang theo máy cưa để cưa cây và cành điều bị đổ. Khi xit thuốc xong, T3 đi về trước còn T và H ở lại. Do có mâu thuẫn về tranh chấp đất đai với ông Mai Văn T1 nên T cầm máy cưa đi sang vườn điều của ông T1 cưa cây điều. Trong lúc T cưa cây điều thì có anh Nguyễn Thành T3 và ông Nguyễn Bá B nhìn thấy nên anh T3 đã gọi điện thoại báo cho ông T1 biết, còn ông B dùng điện thoại để ghi lại hình ảnh việc T cưa cây điều của ông T1. Khi ông T1 điều khiển xe mô tô chạy đến rẫy thì thấy T đang chở H từ hướng rẫy của mình đi ra, trên tay H vẫn còn cầm máy cưa. Ông T1 kiểm tra rẫy thì phát hiện có 62 cây điều 03 năm tuổi bị cưa đứt nên đã làm đơn trình báo lên Cơ quan công an.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về tội danh mà bị cáo bị truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32 ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: 62 cây điều 03 năm tuổi có giá trị thiệt hại tại thời điểm xảy ra tội phạm là 5.270.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ông Mai Văn T1 yêu cầu bồi thường số tiền 5.270.000 đồng, trong quá trình truy tố bị cáo Nông Văn T đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.270.000 đồng, tuy nhiên người bị hại từ chối nhận nên cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để giải quyết theo quy định.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 01 máy cưa hiệu CSY 3000, số hiệu 007xxx màu cam đen là tang vật bị cáo sử dụng để cưa cây điều.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến về những tài liệu nêu trên. Kiểm sát viên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 máy cưa.

Tại bản cáo trạng số: 122/CTr –VKS ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nông Văn T về “Hủy hoại tài sản” theo Khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm “Tội hủy

hoại tài sản”. Về hình phạt áp dụng Khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại buộc bị cáo bồi thường theo quy định. Về vật chứng vụ án và án phí giải quyết theo quy định.

Bị cáo Nông Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại không có ý kiến về phần hình phạt và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do có mâu thuẫn về tranh chấp đất đai từ nhiều năm trước với ông Mai Văn T1 nên buổi sáng ngày 31/3/2017, sau khi xịt thuốc xong tại rẫy của mình, T cầm máy cưa đi sang vườn điều của ông T1 cưa 62 cây điều 03 năm tuổi. Tổng giá trị thiệt hại tài sản là 5.270.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi dùng máy cưa để cắt cây điều là tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác của bị cáo Nông Văn T với tổng giá trị là 5.270.000 đồng đã phạm vào “Tội hủy hoại tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Điều 178 Bộ luật Hình sự quy định:

*1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, tài sản là di vật, cổ hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa hoặc tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a).....*

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai nên đã hủy hoại tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục để bị cáo tự cải tạo mình thành người có ích cho xã hội là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, người bị hại Mai Văn T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.270.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường và đã giao nộp tại cơ quan tiến hành tố tụng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định pháp luật nên cần ghi nhận. Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho người bị hại Mai Văn T1 số tiền 5.270.000 đồng theo quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 máy cưa hiệu CSY 3000, số hiệu 007141 màu cam đen là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng làm công cụ vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình năm 2015 cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm “Tội hủy hoại tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án ( 04/01/2018).

Giao bị cáo Nông Văn T về Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho người bị hại Mai Văn T1 số tiền 5.270.000 đồng, được trừ vào số tiền 5.270.000 đồng mà bị cáo đã nộp trước. Ông Mai Văn T1 được nhận số tiền 5.270.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng (theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 0009568 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình năm 2015: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 máy cưa hiệu CSY 3000, số hiệu 007xxx màu cam đen (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 009559 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thành Long**